

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 625/2025/DS-PT
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
V/v “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản
và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: ông Lê Thành Long

bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2025/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1812/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tran Michael A, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: A Commander Shea B. APT 411 Quincy, M, Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Phong T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Phòng A, Nhà A phường N, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường N, thành phố Hà Nội); là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số 199.5/2023 ngày 19/5/2023 tại Lãnh sự quán C tại N) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: P, Chung cư R, số G T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Bạch Thị Hoài L, sinh năm: 1991; địa chỉ: B A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); là người đại diện ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số công chứng 00001353 ngày 20/01/2025 tại Văn phòng Công chứng Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Dương Quang M, sinh năm 1972 – Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ liên lạc: C N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Minh V, sinh năm 1997 (vắng mặt).

2/ Bà Trần Thị L1, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: P, Chung cư R, số G T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tran Michael A là bà Vũ Phong T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn – ông Tran Michael A có người đại diện ủy quyền là bà Vũ Phong T1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Thị H trình bày:

Ông Tran Michael A và bà Nguyễn Thị Ngọc N có quan hệ tình cảm từ 2017 – 2023, trong thời gian này ông M1 A thường gửi nhiều khoản tiền sinh hoạt phí cho bà N. Vì tình cảm và vì tin tưởng nên ông M1 A chuyển tiền cho bà N để bà N thay mặt ông mua nhà tại Việt Nam với số tiền là 120.000 USD (Đô la Mỹ), trong đó có 115.000 USD có nội dung chuyển khoản ngày 26/4/2021 và ngày 17/5/2021 là “Mua bất động sản”, số tiền 5.000 USD còn lại bà N nói để làm giấy tờ nhà theo các phiếu chuyển tiền ngày 01/4/2021, ngày 02/7/2021 và ngày 02/7/2021. Bà N đã dùng khoản tiền trên để mua căn hộ số 811, Chung cư R, số G T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tuy nhiên sau đó bà N tự ý làm thủ tục đứng tên sở hữu riêng của bà. Ông Michael A đã nhiều lần yêu cầu bà N thực hiện thủ tục ghi nhận quyền sở hữu của ông và bàn giao căn hộ nhưng bà N không đồng ý và cắt đứt liên lạc.

Do đó ông Tran M1 A khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc N, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1/ Buộc bị đơn thực hiện thủ tục ghi nhận quyền sở hữu và bàn giao lại cho nguyên đơn Căn hộ số 811, Chung cư R, số G T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Trong trường hợp bị đơn đã bán Căn hộ nêu trên, buộc bị đơn hoàn trả toàn bộ tiền gốc mua nhà mà nguyên đơn đã chuyển là 120.000 USD và khoản tiền lãi chênh lệch từ việc mua nhà và bán nhà tương ứng với tỷ lệ đóng góp của nguyên đơn khi mua nhà (quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm xét xử). Tạm tính đến ngày 28/10/2024 tỷ giá 1 USD tương đương 25.164 VNĐ.

3/ Trong trường hợp bị đơn chưa bán Căn hộ nêu trên, nhưng nguyên đơn không thể được đứng tên sở hữu Căn hộ theo quy định pháp luật Việt Nam, buộc đơn hoàn trả cho nguyên đơn 120.000 USD tiền gốc đã chuyển tiền mua nhà và khoản tiền chênh lệch giữa giá trị nhà tại điểm mua và giá trị nhà tại thời điểm xét xử theo giá thị trường.

Về vấn đề những lần ông Tran Michael A gửi tiền về cho bà Nguyễn Thị Ngọc N thông qua dịch vụ chuyển tiền quốc tế từ Công ty D và H.N E (Hoa Kỳ) đến Công ty TNHH K (Việt Nam):

Ông Tran Michael A còn có tên khác là Trần Thái H1. Do có mối quan hệ quen biết thân thiết với nhân viên Công ty D và H.N E (Hoa Kỳ) nên khi có nhu cầu chuyển tiền về Việt Nam (số tiền từ 5.000 USD trở xuống) thì ông sẽ đưa tiền cho người nhân viên đó làm thủ tục, thậm chí ông M1 còn không cần đưa giấy tờ tùy thân cho người đó. Lần nào chuyển tiền về bà N cũng nhận được nên ông M1 chủ quan không để ý, đến khi xem lại mới thấy đúng là trong các phiếu chuyển tiền có phiếu ghi tên người gửi là T3). Ông Tran M1 A xác nhận các tên T3 đều là cùng một người.

- Nguyên đơn đồng ý với Chứng thư thẩm định giá của Công ty T4, xác định giá trị căn hộ tranh chấp là 3.613.465.000 đồng.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn là không có căn cứ. Hành vi khởi kiện của nguyên đơn là hợp pháp và tuân thủ quy định của pháp luật. Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì là cần thiết, tránh trường hợp bị đơn tẩu tán tài sản dẫn đến không thể thi hành án. Nguyên đơn đã tuân thủ trách nhiệm nộp chi phí bảo đảm cho yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nếu bị đơn chứng minh được có thiệt hại xảy ra do việc nguyên đơn yêu cầu áp dụng thì Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N và người đại diện ủy quyền là ông Dương Quang M cùng trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn hộ số 811, Chung cư R, số G T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Ngọc N, không liên quan gì đến ông Tran Michael A.

Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã xâm phạm đến quyền sở hữu của bị đơn.

Nguyên đơn và bị đơn không hề có cam kết về việc hợp tác đầu tư. Hai bên sử dụng tiền của nhau vì có quan hệ tiền hôn nhân, vợ chồng sắp cưới. Tiền ông M1 A chuyển cho bị đơn dùng để thanh toán các khoản chi tiêu trước đây của bà N và ông Michael A và để trả nợ, đã được sử dụng hết. Các khoản tiền này ông M1 A cho riêng bà N và để sử dụng chung cho các mục đích chi tiêu, chữa bệnh

của bà N ở nước ngoài, cho tặng bạn bè, người thân gia đình hai bên của bà và người thân ông Michael A ở Việt Nam. Bị đơn không có nghĩa vụ phải trả lại các khoản tiền ông Michael A đã cho tặng bà và sử dụng chung của hai người.

Bà Nguyễn Thị Ngọc N có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông Tran Michael A bồi thường thiệt hại về tinh thần và thể xác cho bị đơn số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, do hành vi khởi kiện không đúng của ông Tran Michael A gây ra, những gì trình bày trong đơn khởi kiện là không đúng sự thật.

Bị đơn có yêu cầu Tòa án triệu tập đích thân ông Michael A tham gia tụng, bởi lẽ, vấn đề tiền bạc và tình cảm giữa hai bên đan xen nhau trong vụ tranh chấp này. Người đại diện ủy quyền không thể thay mặt ông Michael A giải quyết thay một cách triệt để được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2025/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ vào khoản 2,6 Điều 26; Điều 37; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 158, Điều 164, Điều 166, Điều 584, khoản 1; 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b,c khoản 1 điều 2 theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ khoản 2 điều 3 Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tran Michael A về việc:

- Buộc bị đơn thực hiện thủ tục ghi nhận quyền sở hữu và bàn giao lại cho nguyên đơn Căn hộ số 811, Chung cư R, số G T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong trường hợp bị đơn chưa bán căn hộ nêu trên, nhưng nguyên đơn không thể được đứng tên sở hữu Căn hộ theo quy định pháp luật Việt Nam, buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn 115.000 USD tiền gốc đã chuyển tiền mua nhà, tương đương với số tiền 2.938.837.765 đồng (Hai tỉ, chín trăm ba mươi tám triệu,

tám trăm ba mươi bảy ngàn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng) (tỷ giá tại thời điểm xét xử ngày 11/4/2025).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc N trả lại nguyên đơn số tiền: 5.000 USD (Năm ngàn đô la Mỹ), theo các phiếu chuyển tiền ngày 01/4/2021 (2.000 USD), ngày 02/7/2021 (2.500 USD) và ngày 02/7/2021 (500 USD); và khoản tiền 5 chênh lệch giữa giá căn hộ số 811, Chung cư R, số G T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm mua và giá căn hộ ở thời điểm xét xử theo giá thị trường.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc ông Tran Michael A phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 23.400.000 (Hai mươi ba triệu bốn trăm ngàn) đồng.

4. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 119/2024/QĐ- BPKCTT ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi ông T2 Michael A thi hành án xong, giải tỏa Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 113/2024/QĐ-BPBD ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phong tỏa số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng của chủ tài khoản là bà Vũ Phong T1 CMT 0126270, chủ tài khoản tiết kiệm số 1048174569 tại Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh Sở G.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, về phần thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên ông T2 Michael A là bà Vũ Phong T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Vũ Phong T1 trình bày: Nguyên đơn là ông Tran Michael A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị nguyên đơn hoàn trả số tiền 115.000 USD.

Bà Bạch Thị Hoài L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Dương Quang M trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc N là người duy nhất đứng tên mua căn hộ số 8.11, Chung cư R, số G T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng tại Văn phòng C1. Việc cấp Giấy chứng nhận là hoàn toàn hợp pháp và đứng tên bà N. Bà N có cơ sở chứng minh nguồn gốc tiền mua căn hộ này là bán căn hộ cũ được 400.000.000 đồng và số tiền thu hồi nợ của ông Nguyễn Thanh B. Bản chất mối quan hệ giữa ông Tran Michael A và bà Nguyễn Thị Ngọc N xuất phát từ mối quan hệ nam nữ quen biết nhau từ năm 2017, kết thúc năm 2022. Ông Tran Michael A và bà N đã tổ chức đám hỏi tại quê nhà, chuẩn bị hồ sơ để bảo lãnh. Bà N đã cung cấp cho Tòa chứng cứ chứng minh điều này. Giữa ông Tran Michael A và bà N có việc cho nhận tiền. Ông Tran Michael A chủ động gửi tiền cho bà

N và bà N dùng chăm sóc sức khỏe, tổ chức đám hỏi, trả nợ và làm đẹp, phục vụ chung nhu cầu của 02 người. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc nguyên đơn chuyển tiền là có thật, có chứng cứ bị đơn nhận của nguyên đơn 115.000 USD. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Tran Michael A, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 115.000 USD quy đổi thành Việt Nam đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên ông T2 Michael A là bà Vũ Phong T1 không đồng ý với bản án sơ thẩm có cơ sở. Bởi lẽ:

Nguyên đơn cho rằng số tiền để bị đơn mua căn hộ là của nguyên đơn chuyển cho bị đơn 02 lần, tổng số tiền 120.000 USD vào các ngày 27/4/2021 và 18/5/2021. Cụ thể, căn cứ vào Bản sao kê kèm theo công văn số 250/STN-KT.CCTT ngày 09/08/2024 của Ngân hàng TMCP N1 chi nhánh S trả lời yêu cầu cung cấp thông tin của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tran Michael A còn gửi thêm số tiền là 100.000 USD vào ngày 26/4/2021 lúc 15g20 cho người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền này thông qua Ngân hàng C2 gửi về Ngân hàng TMCP N1. Nội dung từ người gửi ghi là “*Mua bất động sản*”. Ngày 17/5/2021 T3 A gửi thêm số tiền 15.000 USD người gửi là Tran Michael A người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Ngọc N. Nội dung ghi là “*Mua bất động sản*”; bị đơn cho rằng đó là tiền riêng của bị đơn do bán 01 căn hộ khác và bị đơn vay của ông Nguyễn Thanh B 1.400.000.000 đồng vào ngày 07/5/2021.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác nhận chỉ yêu cầu xem xét số tiền mà ông Tran Michael A đã gửi về vào ngày 26/4/2021 là 100.000 USD và ngày

17/5/2021 gửi số tiền 15.000 USD. Tổng cộng là 115.000 USD (Một trăm mười lăm ngàn đô la Mỹ).

Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã gửi 115.000 USD. Xét đây là yêu cầu nhỏ trong yêu cầu lớn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, mặc dù nguyên đơn không chứng minh được quá trình bàn bạc, thỏa thuận, giao kết hợp đồng mua bán căn hộ số 8.11, Chung cư R, số G T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh với bị đơn. Cũng không chứng minh được việc cùng bị đơn góp vốn với mục đích để mua căn hộ trên. Chứng từ chuyển tiền cho bị đơn chỉ có nội dung là mua bất động sản nhưng không rõ có phải là mua căn hộ trên hay không. Tuy nhiên, căn cứ theo sao kê tài khoản của bị đơn thì có căn cứ xác định bị đơn đã nhận của nguyên đơn 115.000 USD, bị đơn cũng thừa nhận có nhận của nguyên đơn số tiền trên, bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh nguyên đơn cho bị đơn số tiền trên. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền này là có căn cứ nên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 115.000 USD quy ra Việt Nam đồng vào thời điểm xét xử phúc thẩm ngày 25/11/2025, tương đương 3.036.115.000 đồng (giá niêm yết USD của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 – V1 1 USD = 26.401 đồng).

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ giữa ông Tran Michael A và bà Nguyễn Thị Ngọc N là do hai bên tự nguyện tìm hiểu nhau và đã đến giai đoạn chuẩn bị tiến tới hôn nhân. Ông Tran Michael A và bà N đã tiến hành tổ chức Đám hỏi theo phong tục tập quán của dân tộc Việt Nam. Việc ông Tran Michael A và bà N chia tay khi đã tổ chức đám hỏi tại quê nhà bà N là thiệt thòi và ảnh hưởng đến tâm lý của người phụ nữ. Xét thấy, việc ông Tran M1 A chia tay bà N ít nhiều cũng đã gây ra tổn hại tinh thần và danh dự của bà N nên việc bà N yêu cầu bồi thường nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của mình là hoàn toàn hợp lý và có cơ sở. Tuy nhiên việc bà N yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần nhưng không chứng minh được mối quan hệ nhân quả của việc bà nằm viện là do bị ảnh hưởng tinh thần từ việc bị đe dọa, ép buộc. Tại tòa bà N cung cấp các hình ảnh riêng tư cũng như các hóa đơn thuốc do nằm viện, các hóa đơn tiền thuốc mà bà N cung cấp là về bệnh mắt và bệnh Lupus ban đỏ. Hoàn toàn không liên quan đến việc ông Tran Michael A làm bà N tổn thất về tinh thần. Bà N không chứng minh được việc bà nằm viện điều trị tâm thần là do ông Tran Michael A gây ra. Do đó không đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N về việc buộc ông T2 Michael A phải bồi thường số tiền thiệt hại về tinh thần là 2.500.000.000 đồng và tiền thiệt hại vật chất là 500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ đủ cơ sở buộc ông A có trách nhiệm với việc chia tay bà N dẫn đến việc tổn hại tinh thần và danh dự của bà N như đã phân tích. Căn cứ điểm b, c khoản 1 điều 2 theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Căn cứ khoản 2 điều 592 Bộ

luật Dân sự năm 2015 nghĩ nên buộc ông Tran Michael A phải có trách nhiệm bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bà N mười lần mức lương cơ sở là $2.340.000 \text{ đồng/tháng} \times 10 = 23.400.000 \text{ đồng}$. (Mức lương cơ sở tại thời điểm 2025 theo khoản 2 điều 3 Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang). Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Nhận xét của Tòa án cấp phúc thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với vấn đề bồi thường trên.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tran Michael A là bà Vũ Phong T1; sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tran Michael A.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $72.000.000 \text{ đồng} + 2\%$ của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt $2.000.000.000 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (3.036.115.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) = 92.722.300 \text{ đồng}$ đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận và án phí trên số tiền $500.000.000 \text{ đồng}$ là yêu cầu bồi thường thiệt hại vật chất không được chấp nhận là $20.000.000 \text{ đồng} + 4\%$ của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá $400.000.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (500.000.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 24.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là $92.722.300 \text{ đồng} + 24.000.000 \text{ đồng} = 116.722.300 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn là ông Tran Michael A phải chịu án án phí trên số tiền $23.400.000 \text{ đồng}$ bồi thường cho bị đơn là $5\% \times 23.400.000 \text{ đồng} = 1.170.000 \text{ đồng}$;

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Tran Michael A là bà Vũ Phong T1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2025/DS-ST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 2,6 Điều 26; Điều 37; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 158, Điều 164, Điều 166, Điều 584, khoản 1; 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b, c khoản 1 điều 2 theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ khoản 2 điều 3 Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tran Michael A.
2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N hoàn trả cho nguyên đơn 115.000 USD, tương đương với số tiền 3.036.115.000 đồng Việt Nam (tỷ giá tại thời điểm xét xử ngày 25/11/2025).
3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc N trả lại nguyên đơn số tiền: 5.000 USD (Năm ngàn đô la Mỹ), theo các phiếu chuyển tiền ngày 01/4/2021 (2.000 USD), ngày 02/7/2021 (2.500 USD) và ngày 02/7/2021 (500 USD); và khoản tiền chênh lệch giữa giá căn hộ số 811, Chung cư R, số G T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm mua và giá căn hộ ở thời điểm xét xử theo giá thị trường.
4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc ông Tran Michael A phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 23.400.000 (Hai mươi ba triệu bốn trăm ngàn) đồng.
5. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 119/2024/QĐ- BPKCTT ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 113/2024/QĐ-BPBD ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc buộc bà Vũ Phong T1, sinh năm 1989; CMT 012693270 cấp ngày 14/02/2014 tại Công an thành phố H (Căn cước công dân số: 001189048684 cấp ngày 04/5/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội), chủ tài khoản tiết kiệm số A1; địa chỉ: Phòng A, Nhà A phường N, quận C, thành phố Hà Nội (nay là phường N, thành phố Hà Nội) phải nộp số tiền bảo đảm là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh Sở G; Địa chỉ: A L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội).

Bà Vũ Phong T1 được quyền liên hệ Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh Sở G; Địa chỉ: A L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội) để nhận lại số tiền bảo đảm 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tại tài khoản phong tỏa để thực hiện Quyết định số 113/2024/QĐ-BPBD ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

8. Về án phí:

8.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 116.722.300 đồng.

Nguyên đơn là ông Tran Michael A phải chịu án án phí là 1.170.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001768 ngày 17/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Ông Tran Michael A còn phải nộp thêm 870.000 đồng.

8.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tran Michael A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0070491 ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT tại TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- THADS TP.HCM; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (1)
- NCQLNVLQ; (3)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên

